

WELCOME UNIT

GREETINGS & INTRODUCTIONS

Name: _____

Class: _____ Date: _____

EXERCISE 1

Yêu cầu: Lắng nghe đoạn băng ghi âm. Khoanh tròn vào đáp án đúng A hoặc B.

 Audio 1

1.

A. How are you? B. Hi! I'm Danny.

 Audio 2

2.

A. Hi, I'm Julie. B. Hello. My name is Emma.

 Audio 3

3.

A. What's your name? B. I'm fine, thank you.

 Audio 4

4.

A. My name is Julie. B. How are you?

 Audio 5

5.

A. I'm fine. Thank you. B. What's your name?

**EXERCISE 2**

Yêu cầu: Điền từ thích hợp vào chỗ trống dựa vào các từ cho sẵn.

Word Bank: name / I'm / Hello / fine / What's

1. _____ your name?
2. Hi! _____ Danny.
3. _____, my name is Emma.
4. How are you? - I'm _____, thank you.
5. My _____ is Mike.

**EXERCISE 3**

Yêu cầu: Nối mỗi câu ở Cột A với câu trả lời phù hợp ở Cột B.

1. Hi! I'm Julie.

a. I'm fine. Thank you.

2. What's your name?

b. Hello, Emma!

3. Hello, my name is Emma.

c. Hi, Julie!

4. How are you?

d. My name is Danny.

5. Hi, I'm Mike!

e. Hello, Mike!

↓½ EXERCISE 4

Yêu cầu: Sắp xếp các từ bị xáo trộn để tạo thành một câu hoàn chỉnh.

1. name / My / Emma / is

2. are / How / you

3. fine / I'm / Thank / you

4. name / your / What's

5. Hi / I'm / Danny

GOOD LUCK! YOU CAN DO IT!

